

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 24/2025/DS-ST

Ngày: 30 - 5 - 2025

V/v: “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Thanh Tâm

Ông Đinh Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Khang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều D - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2024/QĐXX - ST ngày 31 tháng 10 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2024/TNPT-TA ngày 18 tháng 11 năm 2024; Quyết định tạm đình chỉ số 66/QĐST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2024; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 15/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 12/2025/TB-TA ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Trọng T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: số nhà F, đường L, khu phố B, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trương Thị Như Ý - Luật sư của Công ty L1, thuộc đoàn luật sư Thành phố H.

- Bị đơn: Bà Phạm Mai P, sinh năm 1999.

Nơi cư trú: số nhà A, đường N, tổ C, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Châu Đan L, sinh năm 1985.

Nơi cư trú: số nhà E, đường C, phường A, quận A, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Trung H, sinh năm 1991.

Nơi cư trú: khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền lập ngày 03/6/2024, được chứng nhận tại Văn phòng C, số công chứng 003273, quyển số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD).

(Ông T, bà Ý, anh H có mặt; ông L, chị P vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày được tóm tắt như sau:*

Ông Thắng và bà Phạm Mai Phương biết nhau nên trong khoảng thời gian từ 4/2023 đến tháng 9/2023, ông Thắng có cho bà Phương vay số tiền 1.170.000.000 đồng, hình thức cho vay là chuyển khoản nhiều lần. Sau đó hai bên có ký hợp đồng vay tiền được chứng nhận tại Văn phòng Công chứng Huỳnh Thị Liêm vào ngày 13/9/2023, theo hợp đồng thì không ghi cụ thể lãi suất, chỉ ghi là hai bên thỏa thuận phù hợp theo quy định pháp luật; ông Thắng tiếp tục cho bà Phương vay khoản tiền thứ 02 vào ngày 14/9/2023 với số tiền 260.000.000 đồng, các bên có lập giấy viết tay và không công chứng chứng thực, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng. Cả 02 hợp đồng vay đều thỏa thuận thời hạn vay 01 tháng sẽ trả cả lãi và gốc. Nhưng từ đó đến nay bà Phương chưa trả cho ông Thắng khoản lãi cũng như khoản gốc nào.

Số tiền ông Thắng cho bà Phương vay là do ông Thắng vay mượn của ông Lê Châu Đan Lập. Ông Lập cũng cho ông Thắng vay bằng hình thức chuyển khoản nhiều lần với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng. Do ông Lập đòi tiền ông Thắng nhiều lần và ông Thắng cũng yêu cầu bà Phương trả nợ nhưng bà Phương không trả nên ngày 16/5/2024 ông Lập đã yêu cầu ông Thắng ký hợp đồng vay tiền có chứng nhận tại Văn phòng công chứng Nguyễn Minh Tấn xác nhận ông còn nợ ông Lập số tiền 1.500.000.000 đồng.

Nay ông Thắng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Mai Phương trả cho ông số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh tổng cộng là 1.716.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm mười sáu triệu đồng), cụ thể số tiền lãi và gốc như sau:

- Nợ gốc tổng cộng là 1.430.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng).

- Nợ lãi:

+ Nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc 1.170.000.000đ, thời hạn từ ngày 13/9/2023 tạm tính đến ngày 30/5/2025, là hơn 20 tháng nhưng chỉ yêu cầu 20 tháng với lãi suất 1%/tháng: $1.170.000.000đ \times 20 \text{ tháng} \times 1\%/tháng = 234.000.000đ$.

+ Nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc 260.000.000đ, thời hạn từ ngày 14/9/2023 tạm tính đến ngày 30/5/2025, là hơn 20 tháng nhưng chỉ yêu cầu 20 tháng với lãi suất 1%/tháng: $260.000.000đ \times 20 \text{ tháng} \times 1\%/tháng = 52.000.000đ$.

Tổng số tiền lãi bà Phương phải trả cho ông Thắng tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 234.000.000 đồng + 52.000.000 đồng = 286.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng) và ông Thắng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lập. Ngoài ra, không còn yêu cầu nào khác.

** Trong quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai, bị đơn bà Phạm Mai Phương trình bày được tóm tắt như sau:*

Bà với ông Thắng là bạn bè với nhau; từ tháng 4/2023 đến tháng 7/2023, bà có nhận từ ông Thắng số tiền 425.000.000 đồng cho nhiều cá nhân vay mượn. Đây là số tiền ông Thắng chuyển cho bà để bà cho bên thứ 3 vay giùm, bà không nhận được lợi gì, chỉ giúp ông Thắng; do những người vay này không có tài khoản ngân hàng nên ông Thắng không chuyển qua được mà phải nhờ chuyển sang tài khoản số 2516.15.1618 NH Techcombank của bà và nhờ bà rút tiền ra đưa giùm cho người thứ 3. Những người này bà không nhớ chính xác thông tin, ông Thắng khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 1.567.183.089 đồng bà chỉ đồng ý trả số tiền 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Tại phiên hòa giải ngày 31/10/2024, bà Phạm Mai Phương xác định bà không đồng ý một phần yêu cầu khởi kiện của ông Thắng, vì bà chỉ vay từ ông Thắng số tiền tổng cộng là khoảng 420.000.000 đồng vào tháng 4 năm 2023, bà nhận tiền nhiều lần qua hình thức chuyển khoản, ngày nào bà không nhớ chính xác nhưng bà sẽ có bản sao kê gửi cho Tòa án chứng minh bà đã nhận số tiền 420.000,000đ. Bà xác định đây là khoản tiền bà vay của ông Thắng nên đồng ý trả cho ông Thắng số tiền 420.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/ tháng, thời gian tính lãi từ tháng 4/2023 cho đến khi thanh toán xong cho ông Thắng.

Đối với số tiền ông Thắng cho rằng đã cho bà vay số tiền gốc là 1.170.000.000 đồng và 260.000.000 đồng như ông Thắng trình bày, nếu ông Thắng chứng minh được đã chuyển cho bà vay số tiền trên thì bà mới trả cho ông Thắng. Đối với giấy cam đoan ngày 17/01/2024 là do bà tự viết và ký tên nhưng nội dung do ông Thắng yêu cầu bà viết tại quán cà phê Lá, phường Xuân Trung. Bà xác định các chữ ký trong các hợp đồng vay tiền ông Thắng cung cấp đúng là chữ ký của bà. Bà xác định không còn tài liệu chứng cứ gì để giao nộp.

Đối với việc vay mượn của ông Thắng và ông Lập bà không có ý kiến gì do

không liên quan đến bà.

** Tại đơn yêu cầu độc lập và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Châu Đan Lập và người đại diện của ông Lập là ông Phạm Trung Hiếu đại diện trình bày được tóm tắt như sau:*

Ông Lập và ông Thắng là bạn bè của nhau; khoảng tháng 4/2023, ông Thắng có bàn với ông Lập về việc bà Phương (bạn ông Thắng) có ý định muốn vay tiền để kinh doanh và ông Thắng có đề nghị ông Lập cho ông Thắng vay mượn để ông Thắng chuyển cho bà Phương vay lại. Khi nào bà Phương trả tiền cho ông Thắng thì ông Thắng sẽ trả lại cho ông Lập. Từ tháng 4/2023 đến tháng 9/2023, ông Lập đã chuyển khoản cho ông Thắng nhiều lần với tổng số tiền 1.500.000.000đ để ông Thắng chuyển cho bà Phương vay lại. Đến ngày trả nhưng bà Phương không thanh toán cho ông Thắng nên ông Thắng cũng không có tiền trả lại cho ông Lập.

Ngày 17/01/2024, ông Thắng có đề nghị bà Phương làm Giấy cam đoan để xác nhận lại thời hạn thanh toán số tiền trên đến 18/01/2024. Trong đó, bà Phương có xác nhận: Nếu không thanh toán đủ số tiền trên, bà Phương sẽ chuyển nhượng giấy chủ quyền mang tên bà Phương đối với thửa 313, tờ bản đồ 21 xã Bảo Quang cho ông Lập, nhưng bà Phương cũng không thực hiện theo cam kết này.

Nay để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của mình ông Lập yêu cầu ông Thắng trả cho ông Lập số tiền gốc mà ông Thắng đã vay của ông Lập là 1.500.000.000đ, không yêu cầu lãi xuất. Đối với việc vay mượn của ông Thắng với bà Phương ông Lập không có ý kiến gì. Ngoài ra, ông Lập không có yêu cầu nào khác.

** Các tài liệu, chứng cứ thu thập được:*

- Tài liệu nguyên đơn cung cấp giao nộp tại Tòa án: bản tự khai; hợp đồng vay tiền; giấy cam đoan, đơn đề nghị không hòa giải, đơn sao chụp tài liệu, bản sao kê ngân hàng Vietcombank số tài khoản 0721000569688, tên chủ tài khoản Hoàng Trọng Thắng và bản kê khai giải trình về bản sao kê, căn cước công dân, chứng chỉ hành nghề, đơn yêu cầu luật sư.

- Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp, giao nộp: Bản photo ảnh chụp CCCD; 2 tập sao kê tài khoản ngân hàng, từ tài khoản số 2532.06849 Ngân hàng Á Châu và số tài khoản 2516151618 Ngân hàng Kỹ Thương Việt Nam, chủ tài của 2 số tài khoản này tên Phạm Mai Phương.

- Tài liệu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cung cấp giao nộp tại Tòa án: Đơn yêu cầu độc lập; CCCD, giấy ủy quyền; bản tự khai, đơn yêu cầu.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh nơi cư trú Phạm Mai Phương; lời khai của các đương sự.

** Tại phiên tòa hôm nay:*

- Nguyên đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Mai Phương trả số tiền nợ gốc là 1.430.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 286.000.000 đồng cho nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu độc lập của Lê Châu Đan Lập.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Lập là ông Hiếu trình bày: Giữ nguyên yêu cầu độc lập, buộc ông Thắng phải trả số tiền 1.500.000.000 đồng cho ông Lập.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Thắng là Luật sư Trương Thị Như Ý trình bày và tranh luận: Bà Phương trình bày lấy tiền ông Thắng cho nhiều cá nhân vay mượn, bà không có lợi ích gì mà chỉ giúp giùm ông Thắng nhưng bà không chứng minh được vấn đề này; các tài liệu chứng cứ do ông Thắng cung cấp thì bà Phương thừa nhận là mình ký, viết ra; Giấy cam đoan ngày 17/01/2024 là thể hiện ý chí của bà Phương, do biết nguồn tiền của ông Lập nên bà Phương mới ghi nhận việc chuyển nhượng đất cho ông Lập, nhưng bà Phương không thực hiện; số tiền mà ông Thắng cho bà Phương vay mượn là gom góp nhiều lần, còn số tiền cho vay mượn lần thứ hai là 260.000.000 đồng, ông Thắng giao tiền mặt cho bà Phương, phiên tòa hôm nay bà Phương vắng mặt không có lý do, không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì cho lời trình bày của mình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thắng.

- Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai người tham gia tố tụng vắng mặt (bà Phạm Mai Phương).

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Về thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng: Không có vi phạm và đúng các quy định của của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng Thắng:

Từ tháng 4 đến tháng 9/2023, ông Thắng đã cho bà Phương vay nhiều lần với tổng số tiền 1.430.000.000 đồng. Việc vay thể hiện qua Hợp đồng vay tiền theo số công chứng 5382 tại VPCC Huỳnh Thị Liêm ngày 13/9/2023, số tiền 1.170.000.000 đồng. Nội dung hợp đồng thì đến hạn 01 tháng (ngày 13/10/2023), bà Phương phải thanh toán cả gốc và lãi 1 lần cho ông Thắng và Hợp đồng vay tiền ngày 14/9/2023 giữa ông Thắng ký với bà Phương, có ông Lập là người làm chứng số tiền

260.000.000 đồng.

Đồng thời, trong bản sao kê các giao dịch của tài khoản ông Thắng 0721000569688 ngân hàng Vietcombank đến tài khoản 25161518 ngân hàng Kỹ Thương VN và tài khoản 253206849 ngân hàng Á Châu của bà Phương có thể hiện số tiền giao dịch là 1.191.500.000 đồng.

Bà Phương chỉ thừa nhận số tiền vay của ông Thắng là 425.000.000 đồng và khai rằng đây là số tiền ông Thắng chuyển cho bà để bà cho bên thứ 3 vay giùm, bà không nhận được lợi gì, chỉ giúp ông Thắng thôi do những người vay này không có tài khoản ngân hàng nên ông Thắng không chuyển qua được mà phải chuyển nhờ sang tài khoản 2516.15.1618 NH Techcombank của bà và nhờ bà rút tiền ra đưa giùm cho người thứ 3. Những người này bà không nhớ chính xác thông tin. Tuy nhiên, bà Phương không có bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà nhận vay tiền của ông Thắng để cho người khác vay lại. Đồng thời, bà cũng thừa nhận các chữ ký trong Hợp đồng vay tiền và giấy cam đoan là do bà viết và ký. Như vậy, việc ông Thắng yêu cầu bà Phương trả lại số tiền 1.430.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với tiền lãi: ông Thắng yêu cầu bà Phương thanh toán với lãi suất 1%/tháng, thời gian từ 13/9/2023 đến 30/5/2025 là 286.000.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự thì lãi suất mà ông Thắng yêu cầu không vượt quá lãi suất quy định nên có cơ sở chấp nhận.

2. Đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Châu Đan Lập:

Ông Lập cho ông Thắng có vay với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng. Hai bên có làm Hợp đồng vay tiền theo số Công chứng 002896 ngày 16/5/2024. Ông Thắng cũng thừa nhận về số tiền đã vay. Do đó, yêu cầu độc lập của ông Lập có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; NQ 01/2019 và các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai của các bên:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc bà Phạm Mai Phương phải thanh toán cho ông Hoàng Trọng Thắng số tiền 1.716.000.000 đồng (trong đó tiền gốc 1.430.000.000 đồng; lãi tạm tính đến ngày 30/5/2025 là 286.000.000 đồng).

* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Lê Châu Đan Lập: buộc ông Hoàng Trọng Thắng phải thanh toán cho ông Lê Châu Đan Lập số tiền 1.500.000.000 đồng. Ông Lập không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

* Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Bà Phạm Mai Phương phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của ông Hoàng Trọng Thắng được Tòa án chấp nhận.

Kiến nghị: Vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp; thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng:

Ông Hoàng Trọng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Mai P phải trả số tiền nợ vay chưa trả 1.430.000.000 đồng và lãi suất kèm theo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Châu Đan L có yêu cầu độc lập buộc ông Hoàng Trọng T trả số tiền 1.500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong vụ án này ông Hoàng Trọng T là nguyên đơn, bà Phạm Mai P là bị đơn và ông Lê Châu Đan L là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được xác định là tranh chấp dân sự, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bà Phạm Mai P có nơi cư trú tại số nhà A, đường N, tổ C, khu phố B, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục ủy quyền và vắng mặt tại phiên tòa:

Ông Lê Châu Đan L ủy quyền cho ông Phạm Trung H tại Văn bản ủy quyền lập ngày 03/6/2024, được chứng nhận tại Văn phòng C, số công chứng 003273, quyền số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD. Xét việc ủy quyền trên không trái với quy định tại Điều 87 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Ông Hoàng Trọng T có yêu cầu Luật sư Trương Thị Như Ý làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, thấy rằng Luật sư Ý cung cấp đầy đủ giấy tờ và đủ điều kiện làm người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định tại Điều 75 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận.

Bị đơn bà Phạm Mai P có đơn xin vắng mặt; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan; trước đó bị đơn đã có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung được quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[3.1.1] Đối với số tiền nợ gốc: Ông T yêu cầu bà Mai P phải trả số tiền 1.170.000.000 đồng, nguyên đơn đã chuyển khoản cho bị đơn vay thành nhiều lần thời gian từ 4/2023 đến tháng 9/2023. Sau đó hai bên có ký hợp đồng vay tiền được chứng nhận tại Văn phòng C1 vào ngày 13/9/2023 số công chứng 5382, quyền số

09/2023 TP/CC-SCC/HĐGD, theo hợp đồng thì không ghi cụ thể lãi suất, chỉ ghi là hai bên thỏa thuận phù hợp theo quy định pháp luật; nguyên đơn cho bị đơn vay khoản thứ 02 bằng tiền mặt vào ngày 14/9/2023 với số tiền 260.000.000 đồng có giấy viết tay và không công chứng chứng thực, thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng.

Nguyên đơn đã cung cấp được bản chính 02 hợp đồng vay tiền này (BL 55-57) và bản chính “Giấy cam đoan” có nội dung “*Tôi tên Phạm Mai P, sinh năm 1999, CCCD số 075199013269... tôi có vay của anh Hoàng Trọng T, sinh năm 1988 ... số tiền 1.430.000.000 (một tỷ bốn trăm ba mươi triệu)..., hẹn thanh toán ngày 18/01/2024. Nếu không thanh toán đủ số tiền trên tôi sẽ chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên tôi Phạm Mai P số tờ 21, số thửa 313, địa chỉ ấp A G, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, diện tích 5.479m² cho anh Lê Châu Đan L. Tôi cam đoan sẽ thực hiện toàn bộ những điều trên. Nếu có gì không đúng tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.*” (BL 59). Bị đơn bà Phạm Mai P xác nhận bà là người ký vào 02 hợp đồng vay tiền nêu trên và Giấy cam đoan cũng do chính bà viết. Tuy nhiên, bà cho rằng bà chỉ nhận từ ông T số tiền 420.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả cho ông T số tiền 420.000.000 đồng.

Tài liệu chứng cứ nguyên đơn đưa ra được bị đơn thừa nhận do đó đủ cơ sở xác định tình tiết này là sự thật và không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài hai hợp đồng và giấy cam đoan đã được bị đơn thừa nhận nêu trên thì nguyên đơn còn cung cấp bản sao kê tài khoản ngân hàng từ tài khoản ông T số tài khoản 0721000569688 Ngân hàng V chuyển tiền đến tài khoản 25161518 Ngân hàng K và tài khoản số 253206849 Ngân hàng Á của bà P số tiền giao dịch tổng cộng là 1.191.500.000 đồng.

Như vậy, bà P cho rằng bà chỉ vay ông T số tiền 420.000.000 đồng (bốn trăm hai mươi triệu đồng) để chuyển người thứ ba vay giùm ông T nhưng bà P không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, tại phiên tòa ngày 18/11/2025 Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để bà cung cấp những tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nhưng đến nay bà không cung cấp được tài liệu gì và vắng mặt nên bà khai là không có cơ sở.

Bà P cho rằng ông T phải chứng minh việc ông T đã giao tiền thấy rằng bà P là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, là người làm ăn, phần nào am hiểu quy định pháp luật khi ký vào các văn bản giao dịch liên quan đến vay nợ sẽ phát sinh các quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận, văn bản đã được Công chứng theo quy định pháp luật, hơn nữa việc chuyển tiền đã được nguyên đơn chứng minh bằng bản sao kê tài khoản ngân hàng vì vậy việc bà P yêu cầu ông T phải chứng minh việc ông T đã giao tiền cho bà là không hợp lý, không có cơ sở.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên xác định nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc tổng cộng là 1.430.000.000đ (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.1.2] Đối với số tiền nợ lãi:

- Đối với số tiền nợ gốc là 1.170.000.000 đồng, số tiền gốc nguyên đơn chuyển khoản thành nhiều lần trong khoảng thời gian từ 4/2023 đến tháng 9/2023. Đến ngày 13/9/2023 hai bên ký hợp đồng xác định lại số nợ gốc tổng cộng là 1.170.000.000 đồng, thời hạn là 01 tháng, lãi suất theo quy định pháp luật. Như vậy đối với khoản nợ gốc này thì lãi trong hạn là 01 tháng, từ ngày 13/9/2023 đến 13/10/2023. Từ ngày 14/10/2023 trở đi là lãi quá hạn. Do các bên ghi lãi suất cụ thể mà chỉ ghi lãi suất thỏa thuận theo quy định pháp luật. Theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định “...lãi suất thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm, nghĩa là không quá 1,66%/tháng.

- Đối với số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng từ ngày 14/9/2023, lãi trong hạn là 01 tháng, từ ngày 14/9/2023 đến 14/10/2023. Như vậy từ ngày 15/10/2023 sẽ chuyển sang lãi quá hạn. Trong hợp đồng vay tiền này có ghi “lãi suất hai bên thỏa thuận (0 - 1,5)...”. Tại phiên hòa giải bà P cũng thừa nhận lãi xuất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Mức lãi suất bà P tự nhận này phù hợp quy định pháp luật đáng lẽ ra bà P phải trả cho ông T theo mức lãi suất này.

Tuy nhiên, ngày 20/5/2025, ông T có văn bản xác định lại yêu cầu bà P với mức lãi xuất thống nhất một mức là 1%/tháng. Cụ thể như sau:

- Nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc 1.170.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 13/9/2023 tạm tính đến ngày 30/5/2025, là hơn 20 tháng nhưng chỉ yêu cầu 20 tháng với lãi suất 1%/tháng: $1.170.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 234.000.000 \text{ đồng}$.

- Nợ lãi phát sinh đối với số tiền nợ gốc 260.000.000 đồng, thời hạn từ ngày 14/9/2023 tạm tính đến ngày 30/5/2025, là hơn 20 tháng nhưng chỉ yêu cầu 20 tháng với lãi suất 1%/tháng: $260.000.000\text{đ} \times 20 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 52.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi bà P phải trả cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 30/5/2025 là $234.000.000 \text{ đồng} + 52.000.000 \text{ đồng} = 286.000.000 \text{ đồng}$ (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu này của ông T là phù hợp quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn bà Phạm Mai P nên chấp nhận mức lãi suất và số tiền như ông T yêu cầu.

[3.2] Đối với yêu cầu độc lập của ông Lê Châu Đan L đối với nguyên đơn ông Hoàng Trọng T:

Ông L yêu cầu ông T trả cho ông L số tiền nợ gốc mà ông T đã vay của ông L là

1.500.000.000 đồng. Đây là số tiền ông T vay của ông L vào thời gian từ tháng 4/2023 đến tháng 9/2023. Hai bên có làm Hợp đồng vay tiền ngày 16/5/2024 được Văn phòng C chứng nhận theo số Công chứng 002896, quyền số 05/2024 TP/CC –SCC/HĐGD để xác định lại số tiền ông L đã chuyển khoản cho ông T vay trước đó. Ông T cũng thừa nhận có vay ông L số tiền này để cho bà P vay lại nhưng do bà P chưa trả cho ông T nên ông T chưa có tiền trả lại cho ông L. Nay ông L yêu cầu buộc ông T số tiền trên thì ông T đồng ý nên chấp nhận yêu cầu độc lập của ông L. Ông L không yêu cầu lãi suất với ông T nên không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tạm ứng án phí dân sự cho ông T. Yêu cầu độc lập của ông L đối với ông T được chấp nhận nên ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí dân sự cho ông L.

[5] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Trọng T đối với bị đơn bà Phạm Mai P, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Phạm Mai P có nghĩa vụ trả cho ông Hoàng Trọng T số tiền tổng cộng là **1.716.000.000** đồng (Một tỷ bảy trăm mười sáu triệu đồng); trong đó tiền gốc là 1.430.000.000đ (Một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi là 286.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Châu Đan L đối với nguyên đơn ông Hoàng Trọng T, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Hoàng Trọng T có nghĩa vụ trả cho ông Lê Châu Đan L số tiền **1.500.000.000đ** (Một tỷ năm trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được

thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1 Bà Phạm Mai P phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **63.480.000** đồng (Sáu mươi ba triệu, bốn trăm tám mươi ngàn đồng). Hoàn trả cho ông Hoàng Trọng T số tiền **29.507.746** đồng (Hai mươi chín triệu, năm trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng) tạm ứng án phí ông Hoàng Trọng T đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005222 ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3.2 Ông Hoàng Trọng T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là **57.000.000** đồng (Năm mươi bảy triệu đồng). Hoàn trả cho ông Lê Châu Đan L số tiền **28.500.000** đồng tạm ứng án phí ông Lê Châu Đan L đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0005436 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung)/.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- Chi cục THADS TP. Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Trường